

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2023
V.v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hùng, bà Đinh Thị Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 167/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị C, sinh năm: 1992

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố P, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2023, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Hoàng Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23-11-2017 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Chị C xác định tình cảm vợ chồng với anh T đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về nuôi con: Chị và anh T có 01 con chung là: Lê Hoàng L, sinh ngày 26-3-2018. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn là anh Lê Văn T trình bày:

Về thời gian, địa điểm kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng như chị C trình bày là đúng. Anh và chị C đã tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Chị C và con đã về nhà bố mẹ đẻ của chị C sinh sống. Anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về nuôi con chung: Anh xác nhận anh và chị C có một con chung như chị C đã trình bày. Hiện cháu Lê Hoàng L đang ở cùng với mẹ. Nếu ly hôn anh đề nghị giao cháu L cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn là anh Lê Văn T có nơi cư trú tại Tổ dân phố P, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Hoàng Thị C tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23-11-2017 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T là hợp pháp.

Chị C và anh T đều xác nhận vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp và đã ly thân từ thời gian đó đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích, hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị C vẫn kiên quyết đề nghị giải quyết ly hôn do tình cảm vợ chồng với anh T đã hết. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập hòa giải nhưng anh T vắng mặt, thể hiện anh T không có thiện chí hòa giải. Từ đó, có căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị C và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị C là có cơ sở, cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Chị Hoàng Thị C và anh Lê Văn T có 01 con chung là cháu Lê Hoàng L, sinh ngày 26-3-2018. Chị C và anh T đều đề nghị giao cháu Lê Hoàng L cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, sau khi anh chị ly thân, cháu L ở cùng với mẹ. Xét đề nghị về nuôi con của chị C và anh T là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế cần được chấp nhận. Do chị C không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản: Chị C, anh T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị C được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về nuôi con: Giao cháu Lê Hoàng L, sinh ngày 26-3-2018 cho chị Hoàng Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2022/0001457 ngày 04-5-2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Chị C đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Lê Văn T không phải chịu tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị C, anh Lê Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh;
- VKSND thành phố;
- Chi cục THADS TP;
- UBND phường Nguyễn Phúc;
- Các đương sự (2);
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Hoàng Hải

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hoàng Hải